

CHUYÊN ĐỀ

ÁP DỤNG VIETGAP – PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGHỀ NUÔI TÔM

Áp dụng VietGAP - Giải pháp phát triển bền vững nghề nuôi tôm

1. Giới thiệu chung

Ngay từ những năm 1990, nghề nuôi tôm nước lợ đã xuất hiện và sớm trở thành mặt hàng quan trọng trong ngành thủy sản. Qua hơn 20 năm phát triển, nghề nuôi tôm nước lợ đã có sự phát triển mạnh mẽ với mức độ thâm canh ngày càng cao, nhiều nhà máy chế biến tôm xuất khẩu mọc lên, kim ngạch hàng năm đạt hơn 2 tỷ USD. Năm 2012, tổng diện tích thả nuôi tôm nước lợ cả nước là 657.523ha, sản lượng 476.424 tấn; kim ngạch xuất khẩu 2,25 tỷ USD trong gần 6,2 tỷ USD tổng giá trị xuất khẩu ngành thủy sản. Tuy nhiên, nghề này cũng bộc lộ một số nhược điểm như: dịch bệnh nhiều, rủi ro cao, lạm dụng thuốc thú y và hóa chất dẫn đến không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm... Dù đạt được thành quả to lớn nhưng dưới tác động của cơ chế thị trường, ngành sản xuất, chế biến tôm đang phải đối mặt với nhiều khó khăn mà nếu không nhanh chóng giải quyết sẽ dẫn đến tình trạng thụt lùi. Khi giá tôm có sự chênh lệch lớn giữa các thời điểm trong năm thì một bộ phận nông dân thả nuôi liên tục làm mầm bệnh trong môi trường tự nhiên tồn lưu từ vụ này sang vụ khác, dịch bệnh lây lan khiến rủi ro trong nuôi tôm ngày càng cao. Việc lạm dụng các loại thuốc thú y, hóa chất trong nuôi tôm thâm canh khiến môi trường ngày càng xấu đi, nhất là gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm, làm giảm uy tín sản phẩm tôm Việt Nam trên thị trường thế giới. Diện tích tôm nuôi bị thiệt hại trong năm 2012 lên đến 100.000ha, trong đó có trên 91.000ha tôm sú. Đây là nguyên nhân khiến hiệu quả của nghề nuôi tôm nước lợ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

2. Hiện trạng nuôi tôm năm 2013

Mặc dù ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh trong năm 2012 và diễn biến thời tiết đầu năm 2013 có nhiều điểm bất lợi, những tháng đầu năm, việc thả nuôi có sự cầm chừng, đến giữa năm, do giá tôm nguyên liệu tăng nên người dân đã tăng vụ, đầu tư nuôi tôm và thu được hiệu quả rất cao. Năm 2013 là năm phục hồi sản xuất nuôi tôm nước lợ, được mùa, được giá, và kiểm soát tốt dịch bệnh. Đã xác định được hướng phát triển rõ ràng đối với nuôi tôm nước lợ, đặc biệt là tôm thẻ chân trắng. Tuy nhiên, vụ nuôi tôm nước lợ năm nay vẫn còn nhiều khó khăn bất lợi: thời tiết diễn biến bất thường như nắng nóng, nhiệt độ tăng cao, xâm nhập mặn lần sâu vào nội địa gây bất lợi cho nuôi trồng thủy sản cả nước. Dịch bệnh thủy sản diễn biến phức tạp. Mặc dù đã được xác định nguyên nhân bệnh hoại tử gan tụy cấp trên tôm nuôi, nhưng dịch bệnh vẫn xảy ra, gây thiệt hại cho người nuôi ở nhiều địa phương. Chất lượng các yếu tố đầu vào giảm sút, giá thức ăn và tôm giống tăng cao gây bất lợi cho nuôi trồng thủy sản. Người nuôi khó khăn và thiếu vốn sản xuất, hộ nuôi và doanh nghiệp sản xuất, chế biến thủy sản bị hạn chế trong tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi từ ngân hàng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt của các Bộ, ngành cùng lãnh đạo các địa phương, sự cần cù của bà con ngư dân, năm 2013 đã đạt kết quả đáng kể.

Trong năm, cả nước có 30 tỉnh, thành phố nuôi tôm nước lợ. Đến cuối năm, diện tích nuôi tôm là 655.255 ha (bằng 99,5% so với cùng kỳ 2012) trong đó diện tích nuôi tôm sú là 589.605 ha, tôm chân trắng là 65.620 ha. Sản lượng thu hoạch tôm là 516.378 tấn (tăng 21% so với cùng kỳ 2012), trong đó sản lượng tôm sú là 239.239 tấn, tôm chân trắng 277.139 tấn. Ngoài 2 vụ tôm chính, một số tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) còn tiếp tục nuôi tôm vụ 3 (tôm trái vụ) để tận dụng cơ hội giá cao. Có 12/30 tỉnh có nuôi

tôm trái vụ với diện tích đạt 11.959 ha, trong đó tôm sú là 5.614,3 ha (chiếm khoảng 1% diện tích thả nuôi), tôm thẻ chân trắng là 6.344,7 ha (chiếm khoảng 10% diện tích). Sản lượng nuôi tôm trái vụ ước đạt 45.700 tấn. Diện tích nuôi tôm trái vụ tại các địa phương ngày càng tăng, chủ yếu là tôm chân trắng với nhiều hình thức nuôi khác nhau. Diện tích nuôi tôm trái vụ tại một số địa phương như sau:

Tại Bạc Liêu, diện tích nuôi thâm canh, bán thâm canh tôm sú ngoài khung lịch mùa vụ là 2.924 ha (chiếm 25,9% diện tích thả), tôm chân trắng ngoài khung thời vụ là 27 ha (chiếm 0,6% diện tích thả); Tại Trà Vinh, có 39,9 ha tôm sú và 174,98 ha tôm thẻ chân trắng nuôi ngoài khung lịch mùa vụ; Tại Sóc Trăng, có 4,245 ha, trong đó tôm thẻ là 2.476 ha tôm nuôi ngoài khung lịch thời vụ. Riêng các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, do bị ảnh hưởng bởi mùa mưa lũ, nhiều vùng nuôi tôm rừng, tôm lúa thả giống quanh năm nên diện tích nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh trái vụ không đáng kể.

Nuôi tôm trái vụ có độ rủi ro cao, sản lượng không cao, tuy nhiên giá bán lại cao hơn và người nuôi vẫn thu được lợi nhuận. Với lợi thế của việc đưa tôm thẻ chân trắng vào nuôi vụ 3 ở các địa phương có đủ điều kiện đã tạo ra sản lượng hàng hóa lớn, bước đầu tháo gỡ khó khăn cho người nuôi tôm sau nhiều vụ thất thu.

3. Hiện trạng tiêu thụ tôm năm 2013

Năm 2013, Việt Nam trở thành nước thứ 3 trên thế giới về sản lượng, giá trị xuất khẩu tôm đạt 2,5 tỷ USD, tăng gần 33% so với cùng kỳ năm 2012 và chiếm 44% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Xuất khẩu tôm thẻ trong năm bùng nổ. Lần đầu tiên xuất khẩu tôm thẻ đã vượt tôm sú về cả sản lượng và giá trị.

Năm 2013 chứng kiến đà tăng tốc ngoạn mục trong xuất khẩu tôm, đặc biệt là những tháng cuối năm. Chỉ trừ tháng 2 xuất khẩu tôm có sụt giảm do nghỉ Tết, còn các tháng khác, giá trị xuất khẩu tôm đều có mức tăng trưởng cao là 2 con số. Đặc biệt, từ quý 3, tháng nào giá trị xuất khẩu tôm cũng tăng đột biến: Tháng 7 giá trị xuất khẩu tôm tăng 45%, tháng 8 tăng 65,5% và tháng 9 tăng trên 61%. Sang tháng 10, xuất khẩu tôm tiếp tục tăng trưởng mạnh về mặt giá trị, đạt 404 triệu USD. Qua đó, đưa xuất khẩu tôm 10 tháng đầu năm nay lên gần 2,5 tỷ USD. Đây là giá trị xuất khẩu tôm ở mức kỷ lục từ trước tới nay, bởi trước đây, năm 2011 là năm đạt giá trị xuất khẩu tôm cao nhất nhưng cũng mới chỉ ở mức gần 2,4 tỷ USD.

Giá trị xuất khẩu tôm của Việt Nam năm 2013 đạt mốc 2,5 tỷ USD, tăng tới hơn 33% so với năm 2012 và vươn lên chiếm tới 44% giá trị xuất khẩu thủy sản của cả nước. Tôm đã trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong năm 2013.

Do thuận lợi trên thị trường xuất khẩu, cuối năm, tại thị trường nội địa, thương lái thu mua tôm sao với giá 340 ngàn đồng/con, cao hơn 40.000 - 60.000 đồng/con so với đầu vụ năm trước, đây cũng là giá cao kỷ lục trong những năm qua. Tôm hùm xanh có giá 95.000 đồng/con, cao hơn 20.000 - 30.000 đồng/con so với năm trước. Tôm thẻ chân trắng loại 70 con/kg có giá 165.000 đồng/kg, loại 100 con/kg giá 140.000 đồng/kg... Mức giá này cao gấp 1,5 lần so với cùng kỳ năm 2012 và là giá cao nhất từ trước đến nay.

4. Vấn đề và Giải pháp

4.1. Vấn đề

4.4.1. Về dịch bệnh

Dịch bệnh trên tôm nuôi diễn ra từ năm 2012. Sang năm 2013, dịch bệnh được khống chế, tuy nhiên, vẫn xảy ra ở một số địa phương. Dịch bệnh xảy ra chủ yếu do biến động thời tiết, ô nhiễm môi trường. Mặt khác, khi môi trường không thuận lợi, thủy sản bị giảm sức đề kháng và dễ bị mầm bệnh, vi khuẩn phát triển và gây bệnh. Để hạn chế thiệt hại do dịch bệnh, các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh, đẩy mạnh việc giám sát vùng nuôi nhằm phát hiện sớm, kịp thời nguồn bệnh, đồng thời xác định chính xác các yếu tố, nguy cơ làm dịch bệnh phát triển nhanh để đưa ra biện pháp phòng chống bệnh chính xác, kịp thời và hiệu quả. Ngoài ra, các địa phương cũng tăng cường công tác hướng dẫn người nuôi các biện pháp phòng chống dịch bệnh, tạo sự chủ động ứng phó cho người nuôi. Đối với tôm nuôi, chủ yếu xảy ra 2 loại bệnh: hoại tử gan tụy cấp (AHPND), đốm trắng và một số bệnh trên tôm hùm,

Theo cục Thú y, năm 2013, tuy dịch bệnh trên tôm nước lợ xảy ra tại nhiều địa phương, song chỉ bằng 49% so với cùng kỳ năm 2012. Đó là nhờ người nuôi đã có sự đầu tư thỏa đáng theo hướng thâm canh, công nghiệp. Ý thức phòng chống bệnh từ việc sử dụng con giống, thuốc thú y, thức ăn đều có nguồn gốc rõ ràng; nhất là việc áp dụng KHKT vào quá trình nuôi.

Bệnh hoại tử gan tụy cấp

Dịch bệnh hoại tử gan tụy cấp tính diễn ra vào hầu hết các tháng trong năm, nhưng tập trung vào giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 8. Nguyên nhân là do đây là khoảng thời gian nuôi tôm chính vụ. Dịch bệnh hoại tử gan tụy cấp tính năm 2013 có xu hướng xuất hiện sớm hơn khoảng 1 tháng so với năm ngoái do năm nay, người nuôi thả tôm sớm hơn (ngay sau tết âm lịch). Dịch bệnh diễn ra ở hầu hết các vùng trọng điểm nuôi tôm, trong đó, các tỉnh nuôi tôm chủ yếu ở ĐBSCL bị thiệt hại nặng nề nhất. Năm nay, dịch bệnh hoại tử gan tụy cấp tính xuất hiện trên cả 2 đối tượng nuôi chính là tôm sú và tôm thẻ chân trắng sau khi thả nuôi dưới 35 ngày. Diện tích nuôi tôm thẻ bị bệnh trong năm nay chiếm 42,47% và diện tích tôm sú bị bệnh là 55,53%. So với năm 2012, tỷ lệ diện tích tôm sú bị bệnh đã giảm đáng kể (92,36% năm 2012) song tỷ lệ diện tích tôm thẻ chân trắng lại có chiều hướng tăng cao (7,46% năm 2012 so với 42,47% năm 2013). Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm nay, diện tích thả nuôi tôm thẻ chân trắng của bà con tăng cao, do đó tỷ lệ diện tích tôm nuôi bị bệnh cũng tăng theo.

Từ các kết quả nghiên cứu bệnh hoại tử gan tụy cấp, một số biện pháp phòng bệnh đã được đề ra là:

- Tác nhân gây bệnh: Ngoài vi khuẩn *Vibrio parahaemolyticus*, vi khuẩn *Vibrio vulnificus* có vai trò nhất định trong việc gây ra bệnh hoại tử gan tụy cấp trên tôm nuôi.

- Các yếu tố môi trường như nhiệt độ cao (>27°C), pH>8, độ mặn cao (từ 25 – 35‰), hàm lượng H₂S cao đều là những yếu tố đóng vai trò quan trọng đối với bệnh hoại tử gan tụy cấp trên tôm nuôi.

- Kết quả kiểm tra, giám sát cho thấy tỷ lệ tôm nhiễm vi khuẩn *Vibrio* khá cao, đối tượng nhiễm khuẩn đa dạng, trong đó đã kiểm soát được hàm lượng vi khuẩn *Vibrio* trong nguồn nước cấp cho trại giống, nguyên nhân nhiễm *Vibrio* ở tôm giống chủ yếu do quá trình sản xuất.

- Bệnh có thể xảy ra quanh năm, nhưng thời gian bùng phát bệnh mạnh nhất là từ cuối tháng 3 đến tháng 7.

- Hầu hết tôm mắc bệnh đều có hiện tượng kháng kháng sinh.

Bệnh đốm trắng

Trong 10 tháng đầu năm 2013, dịch bệnh đốm trắng trên tôm nuôi đã xuất hiện tại 278 xã của 93 huyện thuộc 28 tỉnh, thành phố trên cả nước. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản mắc bệnh là 12.242 ha, bao gồm 6.917 ha nuôi tôm thẻ và 10.929 ha nuôi tôm sú. So với 10 tháng đầu năm 2012, dịch bệnh đốm trắng tăng 4.085 ha. Số lượng xã, huyện, tỉnh có dịch cũng tăng so với cùng kỳ năm 2012.

Tại Cà Mau, diện tích tôm thẻ chân trắng bị mắc bệnh đốm trắng là 134,082 ha, chiếm 14,7% tổng diện tích tôm bệnh, bằng 4,97% diện tích thả nuôi tôm của toàn tỉnh, song có giảm 106,118 ha so với cùng kỳ năm 2012.

Dịch đốm trắng xuất hiện ở hầu hết các tháng trong năm, nhưng tập trung vào các tháng 4 – 7. Nguyên nhân là do khoảng thời gian này là mùa nuôi tôm chính vụ. So với số liệu năm 2012, số lượng xã và tổng diện tích nuôi tôm bị dịch trong năm nay cao hơn nhiều so với năm 2012 (số lượng xã gấp 2,4 lần, tổng diện tích gấp 1,5 lần). Năm nay, dịch xuất hiện ở hầu hết các vùng trọng điểm nuôi tôm, trong đó khu vực ĐBSCL bị thiệt hại nặng nhất. Mức độ thiệt hại của các địa phương này cũng cao hơn nhiều so với năm 2012. Dịch xuất hiện trên cả hai đối tượng tôm nuôi nước lợ chính là tôm sú và tôm thẻ chân trắng. Cụ thể, diện tích tôm sú mắc bệnh trong năm nay chiếm 37,01% tổng số diện tích mắc bệnh. Con số này của tôm thẻ chân trắng là 58,76%. Tỷ lệ tôm sú mắc bệnh trong năm nay có giảm (87,61% năm 2012) song diện tích tôm thẻ chân trắng lại tăng lên (15,39%). Nguyên nhân cũng tương tự với bệnh Hoại tử gan tụy cấp tính, do năm nay, ngư dân thả nuôi tôm thẻ chân trắng với diện tích tăng cao nên tỷ lệ tôm nuôi bị bệnh cũng tăng cao hơn so với năm ngoái.

Các bệnh khác

Đối với tôm hùm, trong năm 2013, các bệnh chủ yếu xảy ra trên tôm hùm là bệnh sứa, bệnh đen mang, đỏ thân và trong những tháng cuối năm đã xuất hiện bệnh mới khiến tôm hùm rụng chân. Một số địa phương có tôm hùm bị bệnh là Phú Yên (15% lồng tôm bị bệnh), Bình Định (3,5%), Khánh Hòa (11%). Riêng tại Khánh Hòa, từ tháng 7/2012 đến nay, tôm hùm bị bệnh với các dấu hiệu lạ như thối chân, rụng chân (chân tôm ban đầu sưng to, tổn thương, hoại tử và có mùi thối). Khi quan sát bằng mắt thường cũng có thể nhận thấy nhiều sinh vật nhỏ ký sinh trên tôm. Số lượng tôm bệnh tăng cao vào các tháng 5, 6 với số lượng từ 5 – 15 con tôm bị bệnh trên mỗi lồng nuôi (mật độ nuôi trung bình khoảng 70 – 80 con/lồng).

Hiện nay, dịch bệnh trên tôm hùm đã giảm nhiều. Tỷ lệ lồng có tôm bị bệnh chỉ còn dưới 10%, với số lượng từ 1 – 2 tôm bệnh/lồng. Kết quả phân tích xét nghiệm ban đầu cho thấy sự xuất hiện nhiều tác nhân như nấm *Fusarium* sp, nhiễm *Vibrio* trong các cơ quan nội tạng (gan, tụy) với 2 loài chủ yếu là *Vibrio alginolyticus* và *V. Vulnificus*, ký sinh trùng thuộc ngành trùng lông bơi *Ciliphora*. Tuy nhiên, để xác định rõ nguyên nhân gây bệnh, Cục Thú y đã chỉ đạo Trung tâm Chẩn đoán Thú y Trung ương và Cơ quan Thú y vùng VI

lấy mẫu xét nghiệm trong nước, đồng thời gửi mẫu ra nước ngoài để phân tích tìm nguyên nhân gây bệnh.

Ngoài ra, trong năm 2013 còn ghi nhận báo cáo bệnh đầu vàng (YHD), bệnh hoại tử dưới vỏ và cơ quan tạo máu (IHNV), bệnh phân trắng và một số bệnh khác trên tôm nuôi. Tuy nhiên, diện tích tôm bị các bệnh này không nhiều, dao động từ 15 – 786 ha (nặng nhất là bệnh hoại tử dưới vỏ và cơ quan tạo máu).

4.1.2. Về thị trường

Vấn đề lớn nhất về thị trường tiêu thụ (bao gồm cả thị trường xuất khẩu) tôm là các rào cản, đặc biệt về vấn đề chất lượng.

Sau 6 năm, từ 2006 đến 2011 giá trị xuất khẩu tôm của Việt Nam tăng trưởng liên tiếp, nhưng đến năm 2012 đã giảm mạnh tại 3 thị trường xuất khẩu chính là Nhật Bản, Mỹ và châu Âu. Nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm xuất khẩu tôm của Việt Nam vào thị trường Nhật Bản là do “rào cản Ethoxyquin”. Từ tháng 5/2012, xuất khẩu tôm Việt Nam bắt đầu gặp khó khi 30% số lô tôm nhập khẩu từ Việt Nam vào thị trường Nhật Bản bị kiểm tra chất Ethoxyquin với mức giới hạn cho phép (MRL) là 0,01 ppm. Đáng lưu ý là đến cuối tháng 8/2012, phía cơ quan chức năng của Nhật Bản đã tiến hành kiểm tra chất Ethoxyquin trong toàn bộ số lô tôm nhập khẩu từ Việt Nam. Với rào cản này, xuất khẩu tôm của Việt Nam vào Nhật Bản đã bị hạn chế đáng kể. Cuối tháng 11, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản (MHLW) đã thông qua quyết định cuối cùng về vấn đề nâng dư lượng Ethoxyquin trong tôm NK từ Việt Nam lên 20 lần, tức là từ mức 0,01ppm hiện nay lên 0,2ppm. Đây là một tin vui và là cơ hội tốt cho ngành tôm Việt Nam đẩy mạnh và chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu. Tuy nhiên, theo các chuyên gia, nguyên do Nhật Bản nới lỏng cho tôm Việt Nam không chỉ nhờ sự đàm phán mà một phần lớn là do nguồn cung tôm thế giới giảm gây ra khan hiếm nguồn hàng. Cụ thể, do đối thủ cạnh tranh là Thái Lan, Indonesia đang khôn khéo dịch bệnh tôm chết sớm nên Việt Nam trở thành nguồn cung lớn nhất cho Nhật Bản. Như vậy, có thể thấy, yêu cầu về chất lượng sản phẩm vẫn là yếu tố rất quan trọng trong xuất khẩu tôm.

Từ 1/1/2013, Hàn Quốc quyết định kiểm tra Ethoxyquin với dư lượng 0,01ppm đối với tôm NK từ Việt Nam khiến XK tôm sang thị trường này 6 tháng đầu năm giảm tới 23,1%.

Ngoài Nhật Bản, Hàn Quốc, trong năm 2013, tùy thời điểm và mục đích, có 2 nước đã quyết định cấm nhập khẩu tôm Việt Nam. Khoảng tháng 3, Cục nghề cá và nguồn lợi thủy sản Philippines (BFAR) có quyết định cấm nhập khẩu tôm sống và động vật giáp xác từ một số nước châu Á, trong đó có Việt Nam. Theo BFAR, mục đích của việc này là để tránh lây nhiễm dịch bệnh tôm chết sớm và hội chứng hoại tử gan tụy cấp tính từ các nước xuất khẩu, ảnh hưởng đến tôm nuôi trong nước. Trước đó, Mexico cũng thông báo cấm nhập khẩu tôm sú và tôm thẻ chân trắng từ Việt Nam từ ngày 18.4.2013.

Tính đến hết tháng 11/2013, XK tôm của Việt Nam đạt trên 2,8 tỷ USD và ước tính cả năm 2013 sẽ cán đích trên 3 tỷ USD, tăng 36% so với năm 2012. Dự báo năm 2014, XK tôm có thể vẫn duy trì kết quả đạt 3 tỷ USD. Tuy nhiên, ngành tôm Việt Nam có thể sẽ phải đối mặt với sự thắt chặt kiểm tra chất lượng từ các thị trường nhập khẩu. Việc kiểm

tra chất lượng và yêu cầu tuân thủ các yêu cầu về chất lượng là một trong những khó khăn phổ biến và lớn nhất đối với ngành tôm Việt Nam khi tham gia thị trường xuất khẩu.

4.2. Giải pháp

Để sản xuất tôm sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và hiệu quả, nhằm đưa ngành nuôi tôm phát triển ổn định và bền vững, Bộ NN&PTNT đã ban hành Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt tại Việt Nam (VietGAP) dựa trên 4 tiêu chí cơ bản: an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn dịch bệnh, an toàn môi trường và an toàn xã hội. Sự ra đời của VietGAP là hướng phát triển tất yếu phải có của nghề nuôi tôm nước lợ nói riêng và ngành nông nghiệp Việt Nam nói chung.

Nhằm tạo điều kiện để VietGAP nhanh chóng đi vào thực tiễn sản xuất, một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định 01/2012/QĐ-TTg. Đây là nỗ lực của Nhà nước nhằm giảm chi phí áp dụng VietGAP cho nông dân, tạo điều kiện thuận lợi giúp người sản xuất nông-lâm-thủy sản, trong đó có người nuôi tôm, hướng đến sản xuất ổn định và bền vững.

5. Áp dụng GAP trong nuôi tôm

5.1. Tham khảo áp dụng GAP trong nuôi tôm ở Thái Lan

Thái Lan là một trong những quốc gia sản xuất thủy sản hàng đầu trên thế giới. Với vị trí địa lý thuận lợi, khí hậu thích hợp nên Thái Lan có tiềm năng lớn trong cả khai thác lẫn nuôi trồng thủy sản. Thái Lan có đường bờ biển dài khoảng 2.600 km, với vùng đặc quyền kinh tế rộng 316.000 km². Ngoài vùng nước nội địa lên tới 3.750 km², Thái Lan còn có khoảng hơn 1 triệu ha mặt nước dành cho nuôi trồng thủy sản ven biển. Từ 3 thập kỷ trở lại đây, ngành thủy sản của Thái Lan phát triển mạnh mẽ, với sự phát triển đồng đều của cả ngành nuôi trồng nước lợ, nước ngọt và đánh bắt.

Trải qua một khoảng thời gian dài phát triển, các trang trại nuôi tôm của Thái Lan liên tục cải tiến hệ thống sản xuất và khắc phục những biến động của thị trường như điều kiện thời tiết bất lợi, giá giảm, các yêu cầu ngày càng khắt khe của các nước nhập khẩu. Để nâng cao khả năng tiếp cận các thị trường quốc tế, một loạt các hệ thống chứng nhận đã được áp dụng trong ngành công nghiệp nuôi tôm của Thái Lan, trong đó có cả những tiêu chuẩn quốc gia như ThaiGAP, Quy tắc nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm (CoC) hay các tiêu chuẩn quốc tế như Hội đồng chứng nhận nuôi trồng thủy sản (ACC), Các thông lệ sản xuất tốt trong nông nghiệp (GlobalGAP). Mặc dù mỗi tiêu chí đều chú trọng vào một lĩnh vực riêng biệt như an toàn thực phẩm, kiểm soát chất lượng thực phẩm, quản lý môi trường, trách nhiệm xã hội và thái độ đối xử với động vật, tuy nhiên, các hệ thống tiêu chí này đều dựa trên yêu cầu phát triển bền vững và nhu cầu của thị trường.

Tình hình áp dụng GlobalGAP ở Thái Lan

Như đã nói ở trên, nhiệm vụ duy trì vị trí hàng đầu của tôm Thái Lan trên thị trường quốc tế đã khiến cho các nhà sản xuất và người nuôi tôm chịu áp lực rất lớn trong việc thích nghi với hệ thống sản xuất và phương thức quản lý mới, phù hợp với những yêu cầu khác nhau của các hệ thống chứng chỉ. Tuy nhiên, mối quan tâm chính của người nuôi tôm là vẫn chưa có cơ chế cụ thể trong việc định giá những sản phẩm tôm được chứng nhận

trong khi người nuôi phải bỏ ra một khoản chi phí lớn để đạt được chứng nhận đó. Ngoài ra, cũng chưa có một sự phân phối công bằng cho các bên tham gia chuỗi cung ứng tôm, cụ thể là người nuôi, nhà sản xuất, nhà phân phối và các khâu trung gian. Do đó, các hộ nuôi nhỏ lẻ khó có khả năng tiếp cận thị trường một cách công bằng.

Trong số các chứng nhận cho sản phẩm tôm, tiêu chuẩn GlobalGAP (trước đây là EurepGAP) do các nhà bán lẻ EU khởi xướng nhận được nhiều sự quan tâm ở Thái Lan. Việc đạt được chứng nhận GlobalGAP giúp cho tôm Thái Lan dễ dàng tiếp cận các thị trường lớn và khó tính như Mỹ, Nhật Bản, EU...

Nghiên cứu về khả năng đáp ứng GlobalGAP ở Thái Lan

Để nghiên cứu mức độ đáp ứng giữa các tiêu chuẩn nội địa với tiêu chuẩn GlobalGAP, Đại học Khoa học Thủy sản và Môi trường Kasetsart đã thực hiện nghiên cứu với sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của Viện Đo lường Đức (PTB) và Viện Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ). Nhóm nghiên cứu phân tích các thông lệ sản xuất (GAP) giúp đánh giá hậu quả có thể xảy ra cũng như đưa ra các chiến lược quản lý. Nghiên cứu được thực hiện ở 18 trang trại nuôi tôm với các quy mô khác nhau (7 trang trại đơn lẻ quy mô nhỏ, 6 trang trại đơn lẻ quy mô vừa, 5 trang trại nhóm quy mô vừa và nhỏ) ở cả nội địa và ven biển miền Trung, Đông và Nam Thái Lan.

Mức độ đáp ứng của các trang trại nuôi tôm Thái Lan

Vào khoảng thời gian đầu áp dụng tiêu chuẩn GlobalGAP (2009), hầu hết các trang trại nuôi tôm của Thái Lan có thể đáp ứng được khoảng 50% tiêu chí của GlobalGAP. Trong đó, hệ số đáp ứng về cơ sở nuôi trồng thủy sản là 47 – 52%, hệ số loài là 44 – 46%, hệ số xã hội đạt 43 – 45%. Hệ số tổng thể trang trại chỉ đạt từ 22 – 27%. Tuy nhiên, những tiêu chí không đáp ứng chủ yếu nằm trong hệ số cơ sở nuôi trồng thủy sản và hệ số tổng thể trang trại, cụ thể là các yếu tố liên quan đến xác định rủi ro liên quan đến môi trường, sức khỏe, an toàn và vệ sinh. Khả năng phản ứng khi có khiếu nại của khách hàng hoặc thu hồi sản phẩm của các trại nuôi tôm ở Thái Lan cũng rất thấp.

Từ những nghiên cứu này, các chuyên gia đã đưa ra đề xuất về các biện pháp khắc phục, trong đó đáng chú ý là phát triển hệ thống quản lý trang trại có khả năng xác định, quản lý và giảm thiểu rủi ro liên quan đến môi trường, sức khỏe và vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra, chủ trang trại phải ghi chép đầy đủ mọi hoạt động nhằm giám sát và giúp cho quá trình xây dựng kế hoạch, quản lý được tốt hơn. Không chỉ có vậy, các nhà quản lý phải có nhiệm vụ tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức về tiêu chuẩn GlobalGAP cho các đối tượng có liên quan đến ngành nuôi trồng thủy sản, từ các nhà cung cấp giống, thức ăn chăn nuôi, người nuôi tôm đến các doanh nghiệp chế biến. Chỉ khi hiểu rõ về tiêu chuẩn GlobalGAP cũng như những lợi ích mà nó mang lại, họ mới có thể tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn GlobalGAP đưa ra. Đối với các trang trại tiên phong áp dụng GlobalGAP, các nhà quản lý càng cần phải chú ý hỗ trợ về mặt kỹ thuật để giúp tạo động lực khuyến khích nhân rộng mô hình áp dụng GlobalGAP trong nuôi tôm nói riêng và nuôi trồng thủy sản nói chung.

Chính phủ Thái Lan cũng rất linh hoạt trong việc đưa ra tiêu chuẩn quốc gia ThaiGAP tương đương với các tiêu chuẩn trong GlobalGAP. ThaiGAP là hệ các tiêu chuẩn áp dụng cho các đơn vị sản xuất tư nhân tự nguyện về an toàn và bền vững cho các

sản phẩm nông nghiệp Thái Lan. Hệ thống quản lý chất lượng Thực hành nông nghiệp tốt (GAP) cho sản xuất tại trang trại đã được xây dựng dựa trên việc cải tiến các tiêu chuẩn quốc tế với 3 mức chứng nhận. Mức 1 là dư lượng thuốc bảo vệ thực vật an toàn; mức 2 là dư lượng thuốc bảo vệ thực vật an toàn và không có dịch hại và mức 3 là dư lượng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, sạch dịch hại và chất lượng cao hơn. Chương trình chứng nhận quốc gia này (ThaiGAP) quy định rất nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có quản lý trại giống (cấp nước, kiểm tra chất lượng con giống, nguồn giống bố mẹ), theo dõi sức khỏe tôm, hồ sơ truy xuất nguồn gốc, kiểm soát vệ sinh của các cơ sở trong chuỗi cung ứng. ThaiGAP nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và chất lượng nông sản từ giai đoạn giống đến sản phẩm sau thu hoạch và bảo đảm sức khỏe của người dân, qua đó thúc đẩy phát triển một nền nông nghiệp bền vững. Đối với những người sản xuất nhỏ khó có thể áp dụng GlobalGAP vì quy trình sản xuất phức tạp, khác biệt ngôn ngữ và chi phí cho việc chứng nhận cao. Do đó, ThaiGAP đã được phát triển để giúp họ vượt qua những trở ngại đó.

Kết quả và triển vọng

Tôm Thái Lan cũng như nhiều sản phẩm nông nghiệp khác trên toàn thế giới đang dần trở thành một phần của chuỗi cung ứng lương thực toàn cầu. Điều này mở ra đồng thời cả cơ hội và thách thức mới cho các sản phẩm nông nghiệp của các quốc gia. Những thách thức chủ yếu nằm ở chi phí nâng cấp cơ sở sản xuất và nỗ lực để duy trì lợi nhuận. Tuy nhiên, nếu nhìn nhận kỹ, những thách thức này thiên về một sự đầu tư để tồn tại trong kinh doanh hơn là một yếu tố cản trở. Liên quan đến vấn đề này, các cơ quan chức năng ở địa phương đóng vai trò quan trọng. Chính các cơ quan chức năng cần phải tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người nông dân về vai trò của các tiêu chí, từ đó giúp họ hiểu rằng bảo đảm tính bền vững toàn thể không chỉ là cải thiện các điều kiện sức khỏe và an toàn của người nông dân cũng như những người làm việc trong lĩnh vực này mà còn cải thiện chất lượng sản phẩm tôm, giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường và sức khỏe con người. Tuy nhiên, có thể thấy rằng khó có thể nhận ra lợi ích mà những cải thiện này mang lại trong một khoảng thời gian ngắn. Do đó, cả hai phía nhà sản xuất và người tiêu dùng đều phải kiên trì và nỗ lực rất nhiều. Bài học thành công của nhiều quốc gia châu Phi khi xuất khẩu các sản phẩm nông sản sang thị trường EU chính là minh chứng cho những ưu thế khi áp dụng các tiêu chuẩn này.

Tại Hội nghị thượng đỉnh GlobalGAP tổ chức tại Cologne vừa qua, các nhà bán lẻ dường như quan tâm nhiều hơn đến các sản phẩm tôm đạt chứng nhận GlobalGAP. Điều này cũng thực sự quan trọng khi một số nhà bán lẻ lớn của Nhật Bản muốn sử dụng các tiêu chuẩn GlobalGAP làm cơ sở xác định chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, không thể không kể đến những nỗ lực trong thời gian qua của Cục Thủy sản Thái Lan trong việc phát triển và thực thi ThaiGAP/CoC trong nuôi tôm. Việc xem xét để có thể đưa các tiêu chuẩn của GlobalGAP vào CoC và ThaiGAP chắc chắn sẽ mang lại đóng góp quan trọng trong việc duy trì và nâng cao thị phần xuất khẩu tôm của Thái Lan tại EU.

Sự ra đời của tiêu chuẩn GlobalGAP trong nuôi tôm cũng như nhiều sản phẩm khác nhằm nhấn mạnh xu hướng phát triển bền vững. Để nâng cao cơ hội cạnh tranh và chiếm lĩnh các thị trường quan trọng như EU, các trang trại nuôi tôm của Thái Lan buộc phải đáp ứng các tiêu chuẩn GlobalGAP thông qua việc cải thiện hệ thống quản lý trang trại, duy trì

năng suất. Người tiêu dùng (các nhà bán lẻ) được ví như các nhân tố quan trọng nhất trong toàn bộ chuỗi cung ứng, do đó yêu cầu đối với các sản phẩm đáp ứng được chuẩn GlobalGAP mà người tiêu dùng đặt ra khi lựa chọn sản phẩm sẽ là động lực lớn nhất cho các nhà sản xuất khi áp dụng tiêu chuẩn GlobalGAP.

5.2. Áp dụng GAP trong nuôi tôm ở Việt Nam

Năm 2012, Chương trình tập trung hoàn thiện một số văn bản hướng dẫn thực hiện Quy phạm VietGAP, xây dựng hệ thống chứng nhận VietGAP trong nuôi trồng thủy sản, trong đó có nội dung đào tạo các chuyên gia đánh giá, chứng nhận VietGAP; đánh giá, chỉ định Tổ chức chứng nhận có đủ điều kiện quy định tại Thông tư 48/2012/TT-BNNPTNT, tổ chức diễn đàn áp dụng VietGAP trong nuôi trồng thủy sản, Phối hợp với Cục trồng trọt xây dựng 05 Thông tư hướng dẫn Quyết định 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012, đã ban hành 02 Thông tư (Thông tư 48/2012/TT-BNNPTNT và Thông tư 53/2012/TT-BNNPTNT). Đồng thời đã rà soát, đưa ra định hướng chỉnh sửa nội dung Quy phạm VietGAP.

Năm 2012, Tổng cục Thủy sản đã phối hợp với Hội Nghề cá Việt Nam tổ chức 14 lớp tuyển chọn giảng viên ToT VietGAP (289 cán bộ tham gia, công nhận 89 học viên đạt trình độ là giảng viên ToT VietGAP), đây là nguồn lực quan trọng để tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các đơn vị, tổ chức có liên quan trong việc áp dụng VietGAP tại Việt Nam. Chương trình GAP giúp cho các cán bộ địa phương nắm bắt được, hiểu được các nội dung Quy phạm VietGAP thông qua các lớp tập huấn do Tổng cục Thủy sản tổ chức. Đồng thời, từ năm 2011 Chương trình đã hỗ trợ xây dựng một số mô hình thí điểm áp dụng VietGAP tại một số tỉnh giúp cho các cơ sở NTTS học hỏi kinh nghiệm, cách triển khai áp dụng từ các mô hình này. Đây là nền tảng quan trọng để tiếp tục thúc đẩy áp dụng VietGAP trong NTTS

Ban Chỉ đạo VietGAP tiếp tục đưa ra các định hướng về việc xây dựng và áp dụng VietGAP trên phạm vi cả nước như:

- Về xây dựng văn bản: Tiếp tục xây dựng, ban hành các quy định hướng dẫn triển khai VietGAP theo kế hoạch; rà soát các văn bản đã ban hành, đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, chỉnh sửa các nội dung chưa phù hợp với thực tế, đồng thời điều chỉnh Quy phạm VietGAP theo 02 cấp độ: Cấp độ 1 (VietGAP hiện tại) và Cấp độ 2 đơn giản hơn (tập trung vào các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và kiểm soát dịch bệnh) để có thể áp dụng trên diện rộng.

- Về đào tạo, tập huấn, tuyên truyền: Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền để có nhận thức đúng đắn về VietGAP và sự cần thiết phải áp dụng; chấn chỉnh hoạt động đào tạo, tập huấn của các địa phương, gắn đào tạo với triển khai thực hiện để tránh lãng phí nguồn lực.

- Về triển khai mô hình thí điểm áp dụng VietGAP: Từ năm 2013 nên chuyển hướng tổ chức làm các mô hình thí điểm theo vùng nuôi tập trung, gắn với thị trường tiêu thụ (siêu thị, nhà máy chế biến...) để các sản phẩm được chứng nhận gắn chặt ngay với thị trường.

- Về phát triển thị trường: Tổng cục Thủy sản phối hợp với các đơn vị có liên quan, các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu, các siêu thị để bàn giải pháp gắn kết sản phẩm được

chứng nhận với hoạt động chế biến, tiêu dùng, xuất khẩu nhằm tạo ra thị trường, khuyến khích người nuôi áp dụng VietGAP.

- Về cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ: Tiếp tục phối hợp với Cục Trồng trọt xây dựng các Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định 01/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, lồng ghép chính sách khuyến khích áp dụng VietGAP vào các Thông tư này và một số quy định khác như chính sách bảo hiểm nông nghiệp, chính sách hỗ trợ tín dụng v.v.. nhằm khuyến khích các cơ sở nuôi áp dụng VietGAP.

- Tổ VietGAP, Chi cục Thủy sản/Nuôi trồng thủy sản các địa phương: Tiếp tục xây dựng kế hoạch tập huấn, tuyên truyền, làm mô hình thí điểm tại địa phương; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Tổng cục Thủy sản và BCD thực hiện các nội dung triển khai Chương trình VietGAP từ nguồn ngân sách trung ương.

6. *Khó khăn*

Mặc dù được hỗ trợ từ phía Nhà nước nhưng việc áp dụng VietGAP trong nuôi tôm nước lợ cũng gặp không ít khó khăn. Theo Hội Nghề cá Việt Nam (VINAFISH), hiện nay VietGAP vẫn rất hạn chế được quốc tế công nhận tương đương với các tiêu chuẩn có uy tín khác như: BAP, GlobalGAP, ASC..., trong khi tôm nước lợ là nguyên liệu chủ yếu phục vụ chế biến xuất khẩu nên người nuôi tôm chưa mạnh dạn áp dụng.

Bên cạnh đó, ngành nuôi tôm Việt Nam chủ yếu tồn tại dưới dạng nông hộ với hàng trăm ngàn hộ nuôi tôm trên cả nước, cơ sở vật chất, hạ tầng vùng nuôi chưa đáp ứng được yêu cầu. Sản lượng thủy sản của từng hộ nuôi thấp nên chi phí tư vấn, chứng nhận VietGAP tính trên đầu tấn sản phẩm cao, trong khi giá bán sản phẩm sau khi có chứng nhận vẫn chưa có sự khác biệt với sản phẩm thông thường.

7. *Kết luận và kiến nghị*

Phần lớn mặt hàng thủy sản, kể cả những sản phẩm đang được bán trong các siêu thị lớn hiện nay cũng chưa được gắn tem, nhãn chứng nhận chất lượng cũng như công khai quy trình kiểm soát chất lượng để có thể truy xuất nguồn gốc. Do đó, việc áp dụng VietGAP trong nuôi tôm không những có ý nghĩa đối với người tiêu dùng mà còn góp phần tăng hiệu quả cho người sản xuất, kinh doanh và từng bước xây dựng thương hiệu thủy sản Việt Nam cả ở thị trường trong và ngoài nước. Để việc triển khai áp dụng VietGAP trong nuôi tôm nước lợ thành công, cần phải đẩy mạnh xúc tiến thương mại để các thị trường nhập khẩu tin tưởng và thừa nhận VietGAP ngang bằng với các loại tiêu chuẩn quốc tế uy tín khác. Bên cạnh đó, cần có hướng dẫn thực hiện Quyết định 01/2012/QĐ-TTg theo hướng triển khai hỗ trợ đến cả những hộ nuôi tôm quy mô vừa và nhỏ; có chế độ hỗ trợ cho việc tiêu thụ sản phẩm VietGAP để tạo sự khác biệt về giá giữa sản phẩm chứng nhận với sản phẩm sản xuất truyền thống...

8. *Tham khảo một số mô hình nuôi tôm hiệu quả*

Mô hình nuôi tôm công nghiệp khép kín ở Bình Thuận

Anh Trương Văn Tri là một trong những người tiên phong nuôi tôm công nghiệp ở vùng Xã Hòa Thắng (Bắc Bình, Bình Thuận) – nơi bắt đầu nuôi tôm công nghiệp từ năm 2009. Năm 2012, dịch bệnh tôm nuôi hoành hành, anh Tri không thụ động ngồi chờ mà chịu khó đi tham quan học hỏi ở các công ty nuôi khác trong tỉnh cũng như ngoài tỉnh, để

tìm những giải pháp, quy trình, công nghệ mới về ứng dụng nhằm phục hồi sản xuất đã mang lại kết quả khả quan. Năm 2013, sau khi thành công vụ đầu thu hoạch 4 ao, diện tích 1,5 ha, sản lượng 10 tấn/ha, anh Tri tiếp tục đầu tư tiếp vụ 2 trên hai khu sản xuất của mình tại thôn Hồng Thắng, xã Hòa Thắng. Với 8 ao tôm diện tích 5 ha, sau 83 ngày tuổi tôm đạt 60 con/kg, được 30 tấn, giá bán 140.000 đồng/kg. Tổng hai vụ nuôi diện tích 5 ha, anh thu hoạch gần 50 tấn tôm thẻ chân trắng, bình quân năng suất trên 10 tấn/ha, trừ chi phí đầu tư anh thu lợi nhuận hơn 2 tỷ đồng. Thành công đó trước tiên phải nói đến quy trình công nghệ khép kín, trước hết là thiết kế ao vèo khoảng 800 m², lót bạt đáy HDPE chống rò rỉ, phía trên có lưới lan che kín, chống sự xâm nhập của các loài động vật hay côn trùng, đồng thời giữ nhiệt độ trong ao ổn định, cũng như hạn chế được những cơn mưa đầu mùa (thường rất bất lợi với ao nuôi tôm). Tôm giống được nuôi trong ao vèo khoảng từ 25 - 30 ngày tuổi, mật độ 600 - 800 con/m². Trong thời gian này tôm con được chăm sóc kỹ lưỡng gần giống như môi trường trong trại sản xuất tôm giống, khi tôm mạnh khỏe, tăng trưởng ổn định sẽ được thả ra ao nuôi lớn; cách làm này giúp chủ động trong công tác chuẩn bị ao nuôi lớn được kỹ càng hơn, đảm bảo tôm có điều kiện thích ứng tốt nhất với môi trường ngoài. Ao nuôi tôm thịt cũng được thiết kế kỹ lưỡng hơn so với trước, không chỉ xử lý nước, môi trường bảo đảm các tiêu chuẩn quy định mà còn trải bạt từ đáy lên cao hơn bờ ao khoảng 50 cm để ngăn không cho cua, còng hay các con vật gây hại vào đầm. Phía trên còn che lưới rào, ngăn chim cò xuống đầm. Việc làm này giúp ngăn chặn dịch bệnh lây lan gián tiếp từ các loài chim và các con vật khác từ bên ngoài. Điều quan trọng là trong ao vèo cũng như ao nuôi đều có hệ thống ô-xy đáy chạy suốt trong quá trình thả tôm nuôi, bảo đảm lượng ô-xy cho tôm nuôi mật độ cao. Theo anh Nguyễn Xuân Bắc, người theo dõi kỹ thuật thì nuôi theo quy trình mới này mặc dù chi phí đầu tư ban đầu có tốn kém hơn, một ao vèo 800 m² khép kín khoảng 60 triệu đồng, nhưng cái lợi thì lớn hơn rất nhiều. Đó là ít thức ăn; giảm được hiện tượng tôm chết sớm, tôm vượt qua giai đoạn 25 - 32 ngày tuổi thì khả năng vụ nuôi thắng lợi rất cao, bởi lúc thả ra đầm lớn con tôm đã đủ sức khỏe sống với môi trường tự nhiên; mặt khác tôm đủ lớn nên khâu kiểm soát thức ăn được chính xác và chặt chẽ hơn. Ngoài ra, nếu thấy chất lượng tôm giống phát triển không tốt thì người nuôi có thể hủy bỏ tại ao vèo, chi phí không nhiều, đặc biệt là không ảnh hưởng đến môi trường của ao nuôi. Thành công từ quy trình nuôi tôm công nghiệp khép kín bằng nhà lưới của anh Trương Văn Tri không chỉ mở ra cách làm mới bài bản, an toàn, cho năng suất, sản lượng, chất lượng cao mà nó còn khẳng định một điều, trong điều kiện môi trường, thời tiết, nguồn nước dịch bệnh dễ gây hại cho tôm nuôi như hiện nay, muốn thành công người nuôi tôm công nghiệp cần cải tiến, áp dụng kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất. Tuy nhiên, hiện quy trình chưa được triển khai nhân rộng nhiều trên địa bàn thôn Hồng Thắng. Cái khó hiện nay là nguồn vốn đầu tư trong các hộ nuôi tôm công nghiệp cạn kiệt do đã trải qua nhiều vụ nuôi thất bát. Muốn đầu tư tái sản xuất theo quy trình mới họ cần có số vốn nhất định. Để sớm khôi phục sản xuất, rất cần chính sách hỗ trợ tài chính tích cực của Nhà nước và các ngành chức năng, đồng thời tăng cường tập huấn, chuyển giao quy trình kỹ thuật tiên tiến, nguồn điện 3 pha dùng để vận hành hệ thống máy sục khí đáy, kịp thời giúp nông dân ứng dụng vào sản xuất.

Mô hình nuôi tôm - cua trong rừng ngập mặn ở Trà Vinh

Nhờ siêng năng chịu khó, tích cực học hỏi, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào nuôi trồng, những năm qua, nông dân Nguyễn Văn Bé, ấp Hồ Tàu, xã Đông Hải,

huyện Duyên Hải đã thành công với mô hình nuôi tôm - cua trong rừng ngập mặn, tạo ra mô hình kinh tế ổn định. Mô hình đã được nhiều người học tập và làm theo. Ông Bé cho biết: Mô hình nuôi tôm - cua trong rừng ngập mặn vừa đảm bảo thu nhập và phát triển bền vững, vừa đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái. Theo ông Bé, tôm nuôi thả với mật độ thưa, lớn nhanh, sạch bệnh, không chứa nhiều kháng sinh, bình quân ông thả 300.000 con tôm sú giống kết hợp với 30kg cua giống chia làm 3 – 4 đợt/năm. Với cách nuôi này, mỗi tháng gia đình ông đều có nguồn thu nhập khá từ tôm - cua, sau khi trừ chi phí, lợi nhuận bình quân từ 100 - 150 triệu đồng/năm. Ngoài diện tích nuôi tôm - cua trong rừng ngập mặn, những năm gần đây, ông Bé chuyển 0,7ha đất tôm rừng sang nuôi tôm công nghiệp hiệu quả khá cao.

Qua sự nỗ lực trong sản xuất và đóng góp cho xã hội, nhiều năm liền, ông Bé đều đạt danh hiệu nông dân sản xuất giỏi, đặc biệt năm 2012, ông vinh dự được nhận bằng khen nông dân sản xuất giỏi cấp tỉnh do tích lũy được kinh nghiệm, xây dựng và phát triển thành công mô hình kinh tế tôm - cua trong rừng ngập mặn.

Các mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến tại Cà Mau

Cà Mau là địa phương dẫn đầu về diện tích nuôi tôm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Để hạn chế thấp nhất thiệt hại và góp phần nâng cao chất lượng tôm nuôi, thời gian qua, tại đây đã triển khai nhiều mô hình nuôi theo hướng cải tiến.

Ông Lưu Xuân Mộc, ấp Bùng Bình 1, xã Hoà Tân, TP Cà Mau, là người thành công nhất trong xã về mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến “bậc cao” nhờ áp dụng những cải tiến kỹ thuật trong cách nuôi. Tên gọi nuôi tôm quảng canh cải tiến “bậc cao” do người dân địa phương đặt ra vì cách nuôi tôm quảng canh cải tiến của ông có nhiều điểm mới.

Cách cải tạo vuông tôm của ông Lưu Xuân Mộc như cách nuôi truyền thống, tức là không ủi đầm mà đào mương như cách nuôi quảng canh cải tiến. Điểm khác là tất cả bờ bao vuông tôm, ông đều dùng tấm cao su tán xung quanh không cho mọi rò rỉ, giữ được mức nước trên mặt vuông ổn định 0,7 m, dưới mương 1,6 m. Mật độ thả tôm giống từ 7 đến 10 con/m², cao hơn mật độ nuôi quảng canh cải tiến thông thường. Sau khi tôm được nuôi gần 2 tháng, ông dùng quạt tạo ô-xy như cách nuôi công nghiệp.

Với cách làm đặc biệt này mà trong 5 năm qua (từ khi bắt đầu nuôi tôm đến nay), vuông tôm của ông đều cho thu hoạch khá. Trong năm qua, ông thu hoạch trên 1,1 tỷ đồng trong một vụ nuôi tôm với diện tích 2 ha, trừ chi phí ông còn lãi trên 450 triệu đồng, năng suất bình quân 6 tấn/ha. Riêng trong năm 2011, ông thu hoạch tôm năng suất đạt 7,5 tấn/ha, cao hơn nhiều so với tôm nuôi công nghiệp. Vì có một số cải tiến trong cách nuôi mà từ trước đến nay ông chưa thất bại vụ nào. Trong năm 2013 này, ông Mộc thả nuôi tôm với diện tích 5 ha theo hình thức quảng canh cải tiến. Trong đó, có 2 ha tôm nuôi trên 3 tháng, đạt khoảng 70 con/m² đang phát triển tốt, hứa hẹn vụ nuôi này chắc chắn sẽ thành công.

Mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến “bậc cao” của ông Lưu Xuân Mộc nguồn đầu tư ít, rủi ro thấp, phù hợp với nhiều nông dân có đất nhưng vốn ít. Đây là mô hình cần được nhân rộng.

Cũng tại tỉnh Cà Mau, anh Huỳnh Chí Thanh, xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tham gia mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến do ngành nông nghiệp tỉnh triển khai. Trước

đây, anh Thanh rất lo lắng trước tình hình dịch bệnh trên tôm bùng phát và gây thiệt hại. Tuy nhiên, kể từ khi tham gia mô hình, những lo lắng đó không còn nữa. Khác với cách nuôi truyền thống, nông dân phải tự bơi cả đầu vào lẫn đầu ra dẫn đến tính rủi ro rất cao, nhất là đối với những nông hộ ít vốn, ít đất; chuyển sang nuôi quảng canh cải tiến, bà con được ngành nông nghiệp địa phương tư vấn từ cách chọn giống, cách phòng chống dịch bệnh cho đến khâu thu hoạch và tiêu thụ, nhờ đó, tôm nuôi được giám sát chặt chẽ, giảm được việc sử dụng các loại thuốc hóa học, thức ăn,... ưu tiên dùng sản phẩm vi sinh bảo vệ môi trường, kết quả là hạn chế được dịch bệnh, góp phần nâng cao năng suất tôm nguyên liệu. So với nuôi tôm truyền thống, nông dân tham gia mô hình này có lãi từ 25 -30 triệu đồng/ha.

Cà Mau là địa phương có diện tích nuôi tôm lớn nhất khu vực ĐBSCL, với diện tích chiếm hơn 260.000 ha. Tuy nhiên, phần lớn là nuôi theo truyền thống, do đó, hiệu quả chưa xứng với tiềm năng và thế mạnh của địa phương. Nhiều ý kiến cho rằng, mô hình nuôi quảng canh cải tiến là trong những bước đệm quan trọng để tiến tới mô hình sản xuất cao hơn, nhất là mục tiêu quy hoạch vùng nuôi theo hướng bền vững đáp tốt nhu cầu xuất khẩu hiện nay.

Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng hiệu quả ở Hà Tĩnh

Để giúp các hộ nuôi từng bước chuyển dần hình thức nuôi tôm từ quảng canh cải tiến sang bán thâm canh theo hướng bền vững, năm 2013, Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh đã xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm trong ao đất có quạt nước theo hướng bền vững do anh Nguyễn Trọng Định làm chủ mô hình. Với quy mô diện tích 0,5 ha. Số lượng giống thả 20 vạn con (mật độ 40 con/m²). Sau 79 ngày thả nuôi kích cỡ đạt 65 con/kg anh tiến hành thu hoạch. Năng suất đạt 6 tấn/ha, giá bán 130 000 đồng/kg. Tổng thu 390 triệu đồng, trừ chi phí anh còn thu lãi trên 200 triệu đồng. Theo anh Nguyễn Trọng Định, để nuôi tôm thành công thì người nuôi cần chú ý cải tạo ao đầm kỹ trước khi nuôi, bố trí hệ thống máy quạt nước hợp lý với mật độ tôm thả để cung cấp ô xy đủ trong quá trình nuôi, sử dụng men vi sinh trong suốt quá trình nuôi để cải thiện môi trường ao nuôi tốt, sau khi tôm thả nuôi được 20 ngày cần phải định kỳ bón vi sinh 1 lần/tuần. Để giảm thiểu các rủi ro các hộ nuôi cần phải chủ động được nhiên liệu như điện, xăng dầu, vôi.

Thành công của mô hình nuôi tôm thẻ trong ao đất có quạt nước, mật độ 40 con/m² đã mở ra hướng đi mới hiệu quả cho nghề nuôi tôm ở xã Tượng Sơn nói riêng và tỉnh Hà Tĩnh nói chung. Từ đó góp phần phát triển bền vững nghề nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Mô hình nuôi tôm đất ít rủi ro tại Tiền Giang

Ông Phạm Văn Tánh, ấp Thanh Nhung I (Phước Trung, Gò Công Đông) vừa thu hoạch ao nuôi tôm đất 3.000m² đầu tiên với lợi nhuận hơn 15 triệu đồng.

Do không có nhiều kinh nghiệm nuôi đối với loại tôm này nên hiệu quả mang lại chưa cao, nhưng bước đầu có thể thấy đây là giải pháp thay thế an toàn đối với các ao nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng thâm canh, bán thâm canh bị dịch bệnh.

Là người có 16 năm nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng thâm canh, ông Phạm Văn Tánh đúc kết nghề nuôi 2 loại tôm này ngày càng nhiều rủi ro về dịch bệnh, giá cả nên tính

ra hiệu quả của cả quá trình nuôi tôm của ông gần như hòa vốn. Chính vì vậy, ông đã mạnh dạn chuyển đổi hai trong số bốn ao nuôi tôm thẻ chân trắng sang nuôi tôm đất để mong có được lợi nhuận bền vững hơn.

Đầu năm 2013, nghe thông tin có một số nơi nuôi tôm đất có hiệu quả, ông Tánh là người đầu tiên trong xã mạnh dạn thả 600.000 con tôm đất giống trong ao 3.000m² (mật độ 200 con/m²) để nuôi thử nghiệm. Sau 80 ngày thả nuôi, ông Tánh thu hoạch được 900 kg tôm đất thương phẩm cỡ 200 con/kg, bán được với giá 85.000 đồng/kg. Sau khi trừ chi phí sản xuất gồm tôm giống (giá 20 đồng/con), thức ăn (1,2 tấn), nhân công... ông còn lãi 20 triệu đồng.

Theo ông Tánh, hiệu quả của ao tôm này là chưa cao do thiếu kinh nghiệm nuôi, lượng thức ăn dư thừa, tôm giống hao hụt cao. Nếu cho tôm ăn vừa đủ thì ao tôm đất này có thể tiết kiệm được 200 kg thức ăn (giá 37.500 đồng/kg), sản lượng tôm đất thu được sẽ cao hơn với hệ số thức ăn tương đương 1 (tức 1 kg thức ăn cho 1 kg tôm).

Hiện nay, ông đang nuôi 1 ao tôm đất 3.000m² 2 tháng tuổi, tôm đạt kích cỡ 250 con/kg và một ao tôm đất đã thả giống nuôi được 1 tháng. Hai ao tôm này hứa hẹn đạt hiệu quả cao hơn với lợi nhuận dự kiến 30 triệu đồng sau hơn 2,5 tháng thả nuôi. Tiếp nối thành công này, ông cũng đang chuẩn bị mua tôm đất giống để thả nuôi vào ao tôm đã thu hoạch. Ngoài ra, một số bà con nuôi tôm ở trong xã cũng như trên địa bàn tỉnh cũng đã mạnh nha phong trào nuôi tôm đất trong ao nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng bị dịch bệnh.

Theo ông Tánh, nuôi tôm đất không phải xử lý nước như nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng, thả giống và cho tôm ăn là chờ tới ngày thu hoạch. Trong suốt quá trình nuôi tôm, ông chỉ cần đo độ mặn nước trong ao nuôi một lần để cơ sở sản xuất giống đưa độ mặn về ngưỡng thích hợp nhằm giảm hao hụt khi thả giống. Hiện nay, tôm đất cũng được thương lái ưu tiên mua so với các loại tôm khác nên tính ra cũng dễ tiêu thụ.

Trước hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi tôm đất tại gia đình ông Phạm Văn Tánh cùng với một số hộ nuôi khác, có thể nói đây là giải pháp chuyên đổi hiệu quả từ các ao nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng thâm canh, bán thâm canh lâu năm bị dịch bệnh. Tuy nhiên, tôm đất là đối tượng thủy sản chỉ được tiêu thụ nội địa, nhu cầu thị trường không nhiều nên trước khi thả nuôi tôm đất, cần cân nhắc kỹ mới tránh được hiện tượng đội chợ, rớt giá.

Mô hình nuôi xen canh nuôi cua thương phẩm và tôm sú ở Quảng Ninh

Anh Trần Văn Ninh, xã Hải Lạng, huyện Tiên đã trở thành tỷ phú nhờ đi đầu trong việc áp dụng mô hình nuôi xen canh tôm sú và cua thương phẩm.

Từ vùng bãi bồi ven biển hoang sơ, anh cùng người thân trong gia đình xúc bùn đắp bờ mương vây quanh khu đầm nhà mình. Tổng diện tích khu đầm khoảng 10 ha, trong đó có khoảng hơn 4 ha rừng sú. Anh Ninh khoanh ra thành từng ô. Ô có rừng thì giữ nguyên, chỉ thả tôm sú với mật độ thưa. Khu đầm trống còn lại nuôi xen canh tôm sú và cá rô phi. Vụ đầu tiên, toàn bộ tôm nuôi của anh trong các ô đầm không có rừng bị chết hàng loạt, nhưng nuôi tại rừng sú lại hoàn toàn khỏe mạnh và sinh lời. Qua đó, anh Ninh tự rút ra được bài học xương máu: Muốn nuôi tôm hiệu quả thì nhất thiết phải có rừng sú. Từ đó, anh mở rộng thêm 2 ha diện tích trồng sú và thu hàng trăm triệu sau mỗi vụ mùa. Ngoài việc góp phần tạo nên một môi trường sinh thái rất phù hợp để nuôi tôm, những tán rừng

ngập mặn trong đầm nhà anh Ninh còn là nơi trú ngụ an toàn của đàn cò. “Vài ba năm trở lại đây nhiều đàn cò từ khắp nơi kéo đến, chúng sinh sôi nảy nở và phát triển số lượng lên đến hàng ngàn con. Rồi những đàn chim sáo cũng đến, chúng kêu rộn rã. Mỗi buổi sáng chèo thuyền trong đầm thì chẳng khác nào lạc vào một khu du lịch sinh thái”, anh Ninh chia sẻ. Ở những khu đầm “trọc” (đã bị chặt toàn bộ cây sù) lân cận, chủ đầm phải chi trả một khoản tiền lớn, hoặc ăn không ngon, ngủ không yên vì ngày đêm tuần tra canh gác, bảo vệ đầm tôm, anh Ninh lại vô tư đánh những giấc ngủ sâu đến sáng vì đã có đàn cò canh gác. Anh bảo: “Không có bất cứ người lạ nào có thể lọt vào đầm tôm mà không bị phát giác. Bởi, chỉ cần có động là đàn cò kêu nháo nhác. Dù là kẻ trộm tợn bạo đến đâu cũng phải “nhả” món hời ngay trước mắt nếu không muốn bị tôi tóm gọn”. Cũng theo anh Ninh, nhiều người nghĩ, tôm cá là món ăn ưa thích của cò. Với số lượng đàn cò lên tới cả ngàn vào cao điểm thì thật là nguy hiểm. Nhưng, thực tế lại không phải vậy, bởi mực nước trong đầm sâu hàng mét nên cò khó có thể bắt được con mồi. Chỉ khi nào có tôm chết hoặc yếu nổi lên mặt nước vì bệnh thì chúng mới được tận hưởng món ăn khoái khẩu. Điều này không những không có hại mà còn giúp ngăn chặn bệnh từ tôm chết lây lan sang những cá thể khỏe mạnh. Với tư tưởng dám nghĩ dám làm, anh Ninh không ngừng nghiên cứu, tìm tòi thử nghiệm những con giống mới, cho năng suất cao. Năm 2011, anh là một trong những người đầu tiên tham gia nuôi thực nghiệm mô hình xen canh cua thương phẩm và tôm sú trong xã. Với diện tích đầm khoảng 6 ha, anh thả khoảng 10.000 con cua giống (giá 5.000 đ/con). Thức ăn cho cua tốn rất ít, thỉnh thoảng mới cho ăn cá, tép nhưng tốc độ sinh trưởng rất nhanh. Sau 4 tháng, cua cho thu hoạch với trọng lượng trung bình khoảng 0,6 – 0,8 kg/con; giá bán trên thị trường khoảng 290 - 300 ngàn đồng/kg. Thu lãi khoảng 600 triệu đồng/vụ. Đó là chưa kể những khoản thu khác từ tôm sú.

Từ mô hình nuôi xen canh nuôi cua thương phẩm và tôm sú siêu lợi nhuận của anh Ninh, rất nhiều hộ dân trên địa bàn đã học tập làm theo và trở nên giàu có.

Mô hình nuôi tôm siêu thâm canh trong nhà kính tại Bạc Liêu

Mô hình nuôi tôm siêu thâm canh trong nhà kính đã được Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh cùng lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương trực tiếp tham quan. Tại buổi tham quan, Phó Thủ tướng đánh giá rất cao mô hình nuôi tôm siêu thâm canh trong nhà kính của anh Hải, đồng thời chỉ đạo địa phương quy hoạch vùng nuôi, tạo điều kiện cho người dân nhân rộng mô hình.

Chủ mô hình là anh Đinh Vũ Hải (39 tuổi), ngụ ấp Biển Đông B, xã Vĩnh Trạch Đông, TP Bạc Liêu, được nhiều người biết đến bởi sự sáng tạo ngoạn mục, đột phá. Vốn xuất thân từ gia đình nông dân có truyền thống nuôi trồng thủy sản, anh Hải đã tự tìm tòi, học hỏi kinh nghiệm ở nhiều nơi, đặc biệt trực tiếp tham quan mô hình nuôi tôm trong nhà kính ở một số nước như Trung Quốc, Thái Lan... Qua đúc kết kinh nghiệm thực tiễn, anh cùng gia đình đã áp dụng thành công mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng trong nhà kính tại Bạc Liêu. Đây là mô hình đầu tiên ở Việt Nam mở ra hướng đi mới cho ngành thủy sản khu vực ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung.

Xuất thân trong một gia đình nông dân ở tỉnh Phú Yên, gia đình anh Hải cũng như hàng trăm gia đình khác sống chủ yếu nhờ vào nghề nuôi tôm sú qu ảng canh cải tiến và bán thâm canh. Tuy nhiên, những năm 1990 trở về trước, ngành nuôi trồng thủy sản trên cả nước nói chung và Phú Yên nói riêng chưa phát triển mạnh, việc nuôi tôm chỉ dựa vào

kinh nghiệm nên tìm ẩn nhiều rủi ro, hiệu quả kinh tế mang lại không cao. Từ nhỏ, anh đã nuôi ý định bằng mọi giá phải đưa gia đình mình đi lên từ nghề nuôi tôm, cũng như giúp cho người dân có thể làm giàu từ con tôm. Do đó khi học xong cấp 3, anh đã quyết định thi vào Trường ĐH Nha Trang để biến ước mơ của mình thành hiện thực.

Năm 1995 anh Hải thi đậu vào ĐH Nha Trang và tốt nghiệp đại học năm 2000. Ngay từ khi còn là chàng sinh viên Đinh Vũ Hải đã có nhiều tìm tòi, nghiên cứu kiến thức trong lĩnh vực thủy sản trên sách vở, nhằm giúp gia đình và ngư ời dân quê mình áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nghề nuôi tôm truyền thống, mang lại hiệu quả. Tuy được trang bị nhiều kiến thức trên ghế nhà trường, nhưng đó chỉ là mặt lý thuyết. Lúc ra trường, anh Hải quyết định đầu quân cho một công ty chuyên về lĩnh vực thủy sản của Thái Lan. Hành trang bước vào con đường chinh phục con tôm của anh kỹ sư mới ra trường khi ấy chỉ là một ba lô đựng vài bộ quần áo và cả một bầu nhiệt huyết muốn giúp nông dân đ ỏi đời từ con tôm. Sao anh lại chọn miền Tây là điểm dừng để chinh phục con tôm? Anh Hải cho biết: “Sau khi về công tác, năm 2001 mình được công ty giao nhiệm vụ phải chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các doanh nghiệp, cá nhân nuôi tôm ở một số tỉnh miền Tây như Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng... Theo anh, miền Tây là vùng đất mới có nhiều tiềm năng, con người lại hòa đồng cởi mở, mến khách. Chính vì thế năm 2002, mình xin nghỉ việc ở công ty ra làm ăn riêng và quyết định đưa gia đình vào đây phát triển nghề nuôi tôm. Bằng ý chí và quyết tâm của mình, anh Hải đã vượt qua được những khó khăn ban đầu khi vào Sóc Trăng thuê 1,6 ha đất nuôi tôm. Với những kiến thức có được, cộng với việc đúc kết kinh nghiệm trên thực tế, anh Hải đã nuôi thành công và hướng dẫn, giúp đỡ cho nhiều người dân ở Sóc Trăng trúng đ ậm sau các vụ tôm. Từ những thành công bước đầu, vào năm 2007 kỹ sư Đinh Vũ Hải quyết định về vùng đất khó ở xã Vĩnh Trạch Đông để phát triển mạnh nghề nuôi tôm. Ban đầu chỉ là vài ha đất, tính đến nay anh Hải và gia đình đã phát triển nghề nuôi tôm trên diện tích khoảng 60 ha ở xã ven biển này.

Chia sẻ về bước đi mang tính đột phá của mình khi bỏ ra số tiền khá lớn để đầu tư vào mô hình sản xuất nuôi tôm siêu thâm canh trong nhà kính. Anh Hải kể: “Khoảng năm 2011, tình hình dịch bệnh trên tôm diễn biến rất phức tạp, khiến tôm nuôi (thể chân trắng) bị chết hàng loạt không rõ nguyên nhân. Tại công ty của gia đình mình cũng bị thiệt hại khoảng 90%. Từ đó trong đầu mình lại nảy sinh ra ý tưởng phải làm như thế nào để khắc phục tình trạng này. Sau khi Ban giám đốc công ty thống nhất ý tưởng tìm hướng đi mới trong việc sản xuất tôm không chế dịch bệnh, mình đã trực tiếp đến các nước như Trung Quốc, Thái Lan học hỏi cách làm của họ. Đến tháng 9/2011, Công ty Hải Nguyên của gia đình mình quyết định xây dựng khu công nghệ cao siêu thâm canh nuôi tôm trong nhà kính với mục đích phục vụ cho việc nghiên cứu dịch bệnh trên tôm”. Đầu năm 2012, anh Hải và gia đình bắt đầu đưa vào sản xuất mô hình nuôi tôm kiểu mới. Sau hơn 2 tháng thả nuôi, tôm cho thu hoạch đầy bất ngờ. Mật độ thu hoạch 360 con/m², sau 72 ngày nuôi tôm đạt trọng lượng 42 con/kg, năng suất đạt 87 tấn/ha/vụ. Đặc biệt anh Hải sản xuất theo quy trình an toàn sinh học, sử dụng các chế phẩm sinh học. Do đó, sản phẩm làm ra là tôm sạch, giá bán cao hơn từ 3.000 - 4.000 đ/kg so với người nuôi tôm thông thường. Hải cho biết, anh và gia đình đang tiến hành xây dựng khu nuôi tôm thương phẩm siêu thâm canh trong nhà kính, với diện tích khoảng 20 ha. Năng suất nuôi tôm thương phẩm sẽ đạt từ 150 - 200 tấn/ha/năm, ước lãi đạt 6 - 7 tỷ đồng/ha/mặt nước nuôi trong nhà kính. Hỏi về những ưu điểm mà mô hình nuôi tôm mang lại, anh cho biết: Với mô hình này, hiện tại chưa phát

hiện dịch bệnh ở tôm trong hệ thống nhà nuôi. So với các ao nuôi đối chứng bên ngoài (mật độ 40 - 120 con/m²), trong nhà kính nuôi với mật độ 200 - 300 con/m² với cùng một đàn tôm giống và cùng một quy trình xử lý như nhau thì tôm nuôi trong nhà kính không xảy ra dịch bệnh. Trong khi đó năng suất mang lại rất cao (87 tấn/ha/vụ), thời gian nuôi ngắn hơn so với cách nuôi thông thường (tôm nuôi 65 ngày tuổi đạt 50 con/kg; 80 ngày tuổi đạt 40 con/kg và 105 ngày tuổi đạt từ 30 - 33 con/kg). Mặt khác, với mô hình nuôi tôm trong nhà kính có thể sản xuất quanh năm, không cần tuân thủ theo lịch mùa vụ, sử dụng một lượng nước ít để nuôi (không thay nước), sử dụng quỹ đất ít, tối ưu việc sử dụng sinh khối tôm/khối lượng nước. Nói về mặt hạn chế của mô hình này, anh Hải khẳng định chi phí đầu tư rất cao, cần khoảng 10 tỷ đồng để đầu tư cho 1 ha nuôi, gồm xây nhà bao phủ các vuông tôm, xây tường xung quanh ao nuôi, lót bạt dưới đáy ao, lắp đặt hệ thống quạt, ô xy đáy, hệ thống dây chuyên cho tôm ăn... Chia sẻ kinh nghiệm nuôi của mình, anh Hải cho biết, do tôm thả nuôi với mật độ cao nên hệ thống dàn quạt và ôxy đáy phải hoạt động liên tục 24/24 giờ, định kỳ 5 ngày phải cấy vi sinh một lần và hằng tuần phải kiểm tra sự tăng trưởng của tôm để điều chỉnh lượng thức ăn, môi trường nước kịp thời. Ngoài ra, để quản lý tốt môi trường ao nuôi định kỳ 3 - 4 ngày phải hút bỏ các chất thải, bùn, độc tố tích tụ dưới đáy ao, làm sạch môi trường nuôi tạo ra sản phẩm nuôi sạch đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường xuất khẩu.

Mô hình nuôi tôm siêu thâm canh trong nhà kính của anh Đinh Vũ Hải là một trong những điển hình, hứa hẹn triển vọng nuôi tôm chất lượng cao ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Tham khảo

1. Báo cáo Hội nghị tổng kết nuôi tôm các tỉnh phía Nam năm 2013 và triển khai kế hoạch năm 2014.
2. Báo cáo Hội nghị Phòng chống dịch bệnh thủy sản năm 2013 và xây dựng kế hoạch năm 2014.
3. Báo Kinh Tế Nông Thôn, Báo Bình Thuận, Cổng thông tin điện tử Trà Vinh Khuyến nông Việt Nam Hoài Thúy - Chi cục Nuôi trồng thủy sản Hà Tĩnh, Báo Cà Mau, Báo Ấp Bắc, VTV Cần Thơ.